

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

**Quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo
Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP
ngày 27/12/2008 của Chính phủ**

Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 09 tháng 4 năm 2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 4 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 26/2011/TT-NHNN ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động tiền tệ theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2011.

Thông tư số 28/2014/TT-NHNN ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 09/4/2009 quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2014.

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26/8/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Sau khi thống nhất với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là NHNN) hướng dẫn một số chính sách cho vay ưu đãi của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng trên địa bàn 61 huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ như sau^{1,2}:

¹ Thông tư số 26/2011/TT-NHNN về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động tiền tệ theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có căn cứ ban hành như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số chính sách tín dụng ưu đãi hỗ trợ trồng rừng sản xuất, phát triển sản xuất nông nghiệp, đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản, phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo.

2. Thông tư này áp dụng cho các khoản vay của các đối tượng khách hàng trên địa bàn 61 huyện nghèo vay vốn bằng đồng Việt Nam (VNĐ) tại các ngân hàng thương mại nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội. Đối với các khoản vay thuộc đối tượng áp dụng hỗ trợ lãi suất không trả nợ đúng hạn, bị chuyển sang nợ quá hạn thì không được áp dụng hỗ trợ lãi suất kể từ ngày khoản vay chuyển sang nợ quá hạn.

*“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;
Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;
Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Chính sách xã hội,
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định tại các văn bản do Ngân hàng Nhà nước ban hành để thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động tiền tệ như sau:”*

² Thông tư số 28/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 09/4/2009 quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;
Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;
Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;
Căn cứ Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ;
Thực hiện Văn bản số 1599/TTg-KTN ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiến nghị trong thực hiện cho vay theo Quyết định số 2621/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 09/4/2009 quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ.”*

3. Các đối tượng khách hàng được hưởng các chính sách ưu đãi lãi suất quy định trong Thông tư này bao gồm: Các hộ nghèo, các hộ sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp, hợp tác xã, các chủ trang trại đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn 61 huyện nghèo (danh sách đính kèm Thông tư này).

4. Các tổ chức tín dụng (TCTD) thực hiện chính sách cho vay ưu đãi lãi suất đối với khách hàng trên địa bàn 61 huyện nghèo, bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (sau đây gọi chung là ngân hàng thương mại nhà nước) và Ngân hàng Chính sách xã hội.

5. Ngân hàng thương mại nhà nước thực hiện cho vay đối với các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi lãi suất theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ với mức lãi suất cho vay thấp nhất áp dụng cho các khoản vay vốn trong cùng kỳ.

Điều 2. Chính sách cho vay ưu đãi lãi suất đối với khách hàng vay vốn tại các ngân hàng thương mại nhà nước

1. Các hộ nghèo khi vay vốn các ngân hàng thương mại nhà nước để trồng rừng sản xuất, được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay.

2. Các đối tượng khách hàng quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư này khi vay vốn tại các ngân hàng thương mại nhà nước để phát triển sản xuất nông nghiệp, đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay.

3. Đối với các cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại đầu tư sản xuất, chế biến kinh doanh trên địa bàn 61 huyện nghèo được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay tại các ngân hàng thương mại nhà nước.

Điều 3. Chính sách cho vay ưu đãi lãi suất đối với hộ nghèo tại Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Các hộ nghèo trên địa bàn 61 huyện nghèo được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và các văn bản liên quan khác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, Ngành.

2.³ Ngoài các chính sách quy định tại Điều 2 của Thông tư này và Khoản 1 Điều này, hộ nghèo trên địa bàn các huyện nghèo được vay vốn ưu đãi tại Ngân

³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 28/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 09/4/2009 quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2014.

hàng Chính sách xã hội để mua giống gia súc, gia cầm, thủy sản hoặc phát triển ngành nghề như sau:

- a) Mức vay tối đa là 10 triệu đồng/hộ;
- b) Lãi suất vay bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo trong từng thời kỳ;
- c) Thời gian áp dụng lãi suất theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này là 3 năm kể từ thời điểm hộ nghèo bắt đầu nhận vốn vay.

Điều 4. Điều kiện được áp dụng chính sách hỗ trợ

1. Đối với hộ nghèo:

Các hộ nghèo được áp dụng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Là hộ gia đình đang sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại địa bàn các xã, thị trấn thuộc 61 huyện nghèo và phải có trong danh sách hộ nghèo được Chủ tịch UBND cấp xã quyết định theo chuẩn nghèo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố, được Tổ tiết kiệm và vay vốn bình xét, chấp thuận phương án sử dụng vốn, lập thành danh sách có xác nhận của UBND cấp xã;
- b)⁴ Chủ hộ hoặc người được ủy quyền là người đại diện cho hộ gia đình trong quan hệ tín dụng với ngân hàng.

2. Đối với các đối tượng khách hàng khác:

Các hộ sản xuất, kinh doanh; doanh nghiệp; hợp tác xã; chủ trang trại được áp dụng chính sách hỗ trợ lãi suất khi vay vốn ngân hàng thương mại nhà nước theo quy định tại Thông tư này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn 61 huyện nghèo;
- b) Đáp ứng đủ điều kiện vay vốn theo quy định tại Quy chế cho vay của TCTD đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và các Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005, Quyết định số 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31/5/2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của TCTD đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 và được các ngân hàng thương mại nhà nước quyết định cho vay.

Điều 5. Trách nhiệm của khách hàng, các ngân hàng thương mại nhà nước; Ngân hàng Chính sách xã hội khi thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ tại các huyện nghèo

⁴ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 26/2011/TT-NHNN về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động tiền tệ theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2011.

1. Đối với khách hàng được cho vay hỗ trợ tại các huyện nghèo:

a) Sử dụng vốn vay đúng mục đích; nếu sử dụng vốn sai mục đích hỗ trợ, số tiền đã hỗ trợ sẽ bị thu hồi và bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Thực hiện đúng các quy định của các ngân hàng thương mại nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội về quy trình, thủ tục và xác nhận trong việc thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ các huyện nghèo.

2. Đối với Ngân hàng Chính sách xã hội:

a) Thực hiện việc cho vay ưu đãi theo quy định tại Thông tư này đối với các đối tượng là hộ nghèo đủ điều kiện hỗ trợ. Ngân hàng Chính sách xã hội không được từ chối áp dụng chính sách hỗ trợ đối với các hộ nghèo đủ điều kiện hỗ trợ trên địa bàn 61 huyện nghèo;

b) Thực hiện kiểm tra chặt chẽ trước, trong và sau khi cho vay để đảm bảo việc hỗ trợ được thực hiện đúng quy định. Trường hợp phát hiện khách hàng sử dụng vốn không đúng mục đích được hỗ trợ thì Ngân hàng Chính sách xã hội thu hồi số tiền đã hỗ trợ và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Định kỳ hàng tháng (chậm nhất là ngày 10 của tháng kế tiếp) báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế⁵) về kết quả thực hiện chính sách cho vay đối với các huyện nghèo theo quy định tại Mẫu số 02 của Thông tư này.

3. Đối với các ngân hàng thương mại nhà nước:

a) Áp dụng cơ chế cho vay thông thường đối với các nhu cầu vay vốn thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Thông tư này;

b) Thực hiện việc hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định, không được từ chối hỗ trợ lãi suất cho khách hàng đủ điều kiện hỗ trợ lãi suất theo quy định của Thông tư này; đảm bảo công khai, rõ ràng số tiền hỗ trợ lãi suất và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các trường hợp hỗ trợ lãi suất hoặc từ chối hỗ trợ lãi suất không đúng quy định của pháp luật;

c) Thực hiện giảm trừ ngay số tiền hỗ trợ lãi suất đối với khách hàng khi khách hàng thanh toán lãi suất tiền vay cho ngân hàng và yêu cầu khách hàng xác nhận việc hỗ trợ lãi suất của ngân hàng;

d) Tổng hợp số liệu hỗ trợ lãi suất đối với các huyện nghèo của toàn hệ thống và đề nghị Bộ Tài chính thực hiện cấp bù lãi suất cho ngân hàng. Chủ tịch Hội đồng

⁵ Cụm từ “Vụ Tín dụng” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Tín dụng các ngành kinh tế” theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 28/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 09/4/2009 quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2014.

quản trị và Tổng Giám đốc ngân hàng thương mại nhà nước phải chịu trách nhiệm về tính hợp lệ và chính xác của các số liệu đề nghị ngân sách Nhà nước cấp bù;

đ) Hồ sơ, thủ tục, quy trình đề nghị cấp bù lãi suất được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính;

e) Các ngân hàng thương mại nhà nước thực hiện kiểm tra chặt chẽ trước, trong và sau khi cho vay để đảm bảo việc hỗ trợ lãi suất đúng quy định. Trường hợp phát hiện khách hàng sử dụng vốn không đúng mục đích được hỗ trợ lãi suất thì thu hồi số tiền đã hỗ trợ và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành;

g) Định kỳ hàng tháng (chậm nhất là ngày 10 của tháng kế tiếp) báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế⁶) về kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất đối với các huyện nghèo theo quy định tại Mẫu 01 của Thông tư này.

Điều 6. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Theo dõi tình hình hỗ trợ lãi suất đối với 61 huyện nghèo theo quy định của Thông tư này:

- Định kỳ hàng tháng (chậm nhất là ngày 10 của tháng kế tiếp) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có huyện nghèo có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và tổng hợp báo cáo tình hình cho vay ưu đãi lãi suất trên địa bàn theo Mẫu 03 của Thông tư này;

- Vụ Tín dụng các ngành kinh tế⁷ tổng hợp báo cáo Thống đốc NHNN tình hình cho vay ưu đãi lãi suất khi được yêu cầu;

b) Các đơn vị có liên quan của Ngân hàng Nhà nước phối hợp với Bộ Tài Chính trong việc thanh tra, giám sát và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách cho vay ưu đãi đối với các huyện nghèo của các ngân hàng thương mại nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của Thông tư này;

c) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP khi được yêu cầu.

⁶ Cụm từ “Vụ Tín dụng” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Tín dụng các ngành kinh tế” theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 28/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 09/4/2009 quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2014.

⁷ Cụm từ “Vụ Tín dụng” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Tín dụng các ngành kinh tế” theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 28/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 09/4/2009 quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2014.

Điều 7. Điều khoản thi hành^{8,9}

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế¹⁰ và thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc ngân hàng thương mại nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

⁸ Điều 6 và Điều 7 của Thông tư số 26/2011/TT-NHNN về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động tiền tệ theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2011 quy định như sau:

“Điều 6. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2011.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Chủ tịch Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

⁹ Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 28/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 09/4/2009 quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2014 quy định như sau:

“Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các khoản vay theo Thông tư số 06/2009/TT-NHNN, phát sinh trước ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đang còn dư nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục được thực hiện theo hợp đồng tín dụng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng. Việc vay vốn ưu đãi theo quy định tại Quyết định số 2621/QĐ-TTg và Thông tư này được thực hiện sau khi hết thời hạn vay vốn và hộ nghèo trên địa bàn các huyện nghèo hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng trên.

2. Đối với các khoản vay đúng hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Thông tư số 06/2009/TT-NHNN phát sinh từ ngày 31 tháng 12 năm 2013 đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực, Ngân hàng Chính sách xã hội thống kê và thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP và Thông tư số 06/2009/TT-NHNN.

3. Đối với các khoản vay theo Quyết định số 2621/QĐ-TTg phát sinh từ ngày 31 tháng 12 năm 2013 đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực, Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 2621/QĐ-TTg.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2014.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này.”

¹⁰ Cụm từ “Vụ Tín dụng” được thay thế “Vụ Tín dụng các ngành kinh tế” theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 28/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 09/4/2009 quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2014.

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY ƯU ĐÃI LÃI SUẤT ĐỐI VỚI CÁC HUYỆN NGHÈO
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 30a/NQ-CP VÀ THÔNG TƯ SỐ 06/2009/TT-NHNN
Tháng..... năm 200...**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Doanh số phát sinh trong kỳ		Dư nợ		Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất		Số lãi tiền vay được hỗ trợ	Lũy kế từ đầu năm		
		Cho vay	Thu nợ	Tổng số	Trong đó, Nợ xấu	Lượt khách hàng vay	Số khách hàng còn dư nợ		Doanh số cho vay	SL khách hàng vay vốn	Số lãi được hỗ trợ
I	Tỉnh A (bao gồm... huyện nghèo)										
A	Tổng số các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất theo lĩnh vực kinh tế										
1	Trồng rừng sản xuất										
2	Phát triển sản xuất nông nghiệp, đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản, trong đó:										
	- Phát triển sản xuất nông nghiệp										
	- Đầu tư cơ sở chế biến										
	- Bảo quản và tiêu thụ nông sản										
3	Cơ sở chế biến, nông, lâm, thủy sản, trong đó:										
	- Chế biến nông sản										
	- Chế biến lâm sản										
	- Chế biến thủy sản										
B	Tổng số các khoản vay được hỗ trợ lãi suất phân theo đối tượng khách hàng vay										
1	Hộ sản xuất kinh doanh										
2	Doanh nghiệp										
3	Hợp tác xã										
4	Chủ trang trại										
II	Tỉnh B (bao gồm... huyện nghèo)										
A	Tổng số các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất theo lĩnh vực kinh tế										

STT	Chi tiêu	Doanh số phát sinh trong kỳ		Dư nợ		Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất		Số lãi tiền vay được hỗ trợ	Lũy kế từ đầu năm		
		Cho vay	Thu nợ	Tổng số	Trong đó, Nợ xấu	Lượt khách hàng vay	Số khách hàng còn dư nợ		Doanh số cho vay	SL khách hàng vay vốn	Số lãi được hỗ trợ
1	Trồng rừng sản xuất										
2	Phát triển sản xuất nông nghiệp, đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản, trong đó:										
	- Phát triển sản xuất nông nghiệp										
	- Đầu tư cơ sở chế biến										
	- Bảo quản và tiêu thụ nông sản										
3	Cơ sở chế biến, nông, lâm, thủy sản, trong đó:										
	- Chế biến nông sản										
	- Chế biến lâm sản										
	- Chế biến thủy sản										
B	Tổng số các khoản vay được hỗ trợ lãi suất phân theo đối tượng khách hàng vay										
1	Hộ sản xuất kinh doanh										
2	Doanh nghiệp										
3	Hợp tác xã										
4	Chủ trang trại										
III	Tỉnh C (bao gồm ... huyện nghèo)...										
	Tổng cộng (I + II + III...)										

Lập biểu
(Ghi rõ họ, tên)

Kiểm soát
(Ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

Hình thức báo cáo: - Bằng văn bản hoặc gửi thư điện tử

Đơn vị nhận báo cáo: - Vụ Tín dụng (Email: phongtd@sbv.gov.vn, Fax: 04.38256626/04.38248800) - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thời hạn gửi báo cáo: - Trước ngày 10 của tháng kế tiếp

- Đề nghị ghi rõ họ tên và số điện thoại người thực hiện báo cáo.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản hoặc qua số điện thoại: 04.38250607/04.39349428.

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY ƯU ĐÃI LÃI SUẤT ĐỐI VỚI CÁC HUYỆN NGHÈO
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 30a/NQ-CP VÀ THÔNG TƯ SỐ 06/2009/TT-NHNN

Tháng..... năm 200...

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Doanh số phát sinh		Dư nợ		Số lượng khách hàng vay được		Lũy kế từ đầu năm	
		Cho vay	Thu nợ	Tổng số	Trong đó, nợ xấu	Lượt khách hàng vay	Số khách hàng còn dư nợ	Doanh số cho vay	SL khách hàng vay vốn
I	Tỉnh A... (bao gồm:... Huyện nghèo)								
A	Tổng số các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất mua giống trong chăn nuôi, trong đó:								
	Mua giống gia súc (trâu, bò, dê)								
	Mua giống gia cầm chăn nuôi tập trung								
	Mua giống thủy sản								
2	Tổng số các khoản vay được hỗ trợ lãi suất phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp								
II	Tỉnh B... (bao gồm:... Huyện nghèo)								
1	Tổng số các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất mua giống trong chăn nuôi, trong đó:								
	Mua giống gia súc (trâu, bò, dê)								
	Mua giống gia cầm chăn nuôi tập trung								
	Mua giống thủy sản								
2	Tổng số các khoản vay được hỗ trợ lãi suất phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp								
III	Tỉnh								
	Tổng cộng (I + II + III...)								

Lập biểu

(Ghi rõ họ, tên)

Kiểm soát

(Ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

Hình thức báo cáo: - Bằng văn bản hoặc gửi thư điện tử

Đơn vị nhận báo cáo: - Vụ Tín dụng (Email: phongtd@sbv.gov.vn, Fax: 04.38256626/04.38248800) - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thời hạn gửi báo cáo: - Trước ngày 10 của tháng kế tiếp

- Đề nghị ghi rõ họ tên và số điện thoại người thực hiện báo cáo.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản hoặc qua số điện thoại: 04.38250607/04.39349428.

NHNN CHI NHÁNH TỈNH

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY ƯU ĐÃI LÃI SUẤT ĐỐI VỚI CÁC HUYỆN NGHÈO
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 30a/NQ-CP VÀ THÔNG TƯ SỐ 06/2009/TT-NHNN
Tháng..... năm 200...**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Doanh số phát sinh trong kỳ		Dự nợ		Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ		Lũy kế từ đầu năm	
		Cho vay	Thu nợ	Tổng số	Trong đó, Nợ xấu	Lượt khách hàng vay	Số khách hàng còn dư nợ	Doanh số cho vay	SL khách hàng vay vốn
I	NH Chính sách xã hội								
1	Tổng số các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất mua giống trong chăn nuôi, trong đó:								
	Mua giống gia súc (trâu, bò, dê)								
	Mua giống gia cầm chăn nuôi tập trung								
	Mua giống thủy sản								
2	Tổng số các khoản vay được hỗ trợ lãi suất phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp								
II	NH Thương mại Nhà nước A								
A	Tổng số các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất mua giống trong chăn nuôi, trong đó:								
1	Trồng rừng sản xuất								
2	Phát triển sản xuất nông nghiệp, đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản, trong đó:								
	- Phát triển sản xuất nông nghiệp								
	- Đầu tư cơ sở chế biến								
	- Bảo quản và tiêu thụ nông sản								
3	Cơ sở chế biến, nông, lâm, thủy sản, trong đó:								
	- Chế biến nông sản								
	- Chế biến lâm sản								
	- Chế biến thủy sản								
B	Tổng số các khoản vay được hỗ trợ lãi suất phân theo đối tượng khách hàng vay								
1	Hộ sản xuất kinh doanh								

STT	Chi tiêu	Doanh số phát sinh trong kỳ		Dư nợ		Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ		Lũy kế từ đầu năm	
		Cho vay	Thu nợ	Tổng số	Trong đó, Nợ xấu	Lượt khách hàng vay	Số khách hàng còn dư nợ	Doanh số cho vay	SL khách hàng vay vốn
2	Doanh nghiệp								
3	Hợp tác xã								
4	Chủ trang trại								
III	NH Thương mại Nhà nước B								
A	Tổng số các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất theo lĩnh vực kinh tế								
1	Trồng rừng sản xuất								
2	Phát triển sản xuất nông nghiệp, đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản, trong đó: - Phát triển sản xuất nông nghiệp - Đầu tư cơ sở chế biến - Bảo quản và tiêu thụ nông sản								
3	Cơ sở chế biến, nông, lâm, thủy sản, trong đó: - Chế biến nông sản - Chế biến lâm sản - Chế biến thủy sản								
B	Tổng số các khoản vay được hỗ trợ lãi suất phân theo đối tượng khách hàng vay								
1	Hộ sản xuất kinh doanh								
2	Doanh nghiệp								
3	Hợp tác xã								
4	Chủ trang trại								
IV	NH Thương mại Nhà nước ...								
	Tổng cộng (= I + II + III + ...)								

Lập biểu

(Ghi rõ họ, tên)

Kiểm soát

(Ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

Hình thức báo cáo: - Bảng văn bản hoặc gửi thư điện tử

Đơn vị nhận báo cáo: - Vụ Tín dụng (Email: phongtd@sbv.gov.vn, Fax: 04.38256626/04.38248800) - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thời hạn gửi báo cáo: - Trước ngày 10 của tháng kế tiếp

- Đề nghị ghi rõ họ tên và số điện thoại người thực hiện báo cáo.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản hoặc qua số điện thoại: 04.38250607/04.39349428.

**DANH SÁCH 61 HUYỆN NGHÈO ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH
ƯU ĐÃI LÃI SUẤT THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 30a/2008/NQ-CP
CỦA CHÍNH PHỦ**

STT	Tên tỉnh	Số huyện	Tên huyện
1	Hà Giang	6	Đông Văn, Mèo Vạc, Quảng Bạ, Yên Minh, Xín Mần, Hoàng Su Phì
2	Cao Bằng	5	Thông Nông, Bảo Lâm, Hà Quảng, Bảo Lạc, Hạ Lang
3	Lào Cai	3	Si Ma Cai, Mường Khương, Bắc Hà
4	Yên Bái	2	Mù Căng Chải, Trạm Tấu
5	Phú Thọ	1	Tân Sơn
6	Bắc Kạn	2	Ba Bể, Pắc Nặm
7	Bắc Giang	1	Sơn Động
8	Sơn La	5	Mường La, Bắc Yên, Phù Yên, Quỳnh Nhai, Sốp Cộp
9	Lai Châu	4	Sìn Hồ, Mường Tè, Phong Thổ, Than Uyên
10	Điện Biên	4	Tùa Chùa, Mường Ảng, Mường Nhé, Điện Biên Đông
11	Thanh Hóa	7	Lang Chánh, Thường Xuân, Quan Hóa, Quan Sơn, Mường Lát, Như Xuân, Bá Thước
12	Nghệ An	3	Quế Phong, Tương Dương, Kỳ Sơn
13	Quảng Bình	1	Minh Hóa
14	Quảng Trị	1	Đa Krông
15	Quảng Nam	3	Nam Trà My, Tây Giang, Phước Sơn
16	Quảng Ngãi	6	Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây, Minh Long, Tây Trà, Ba Tơ
17	Bình Định	3	An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh
18	Ninh Thuận	1	Bắc Ái
19	Lâm Đồng	1	Đam Rông
20	Kon Tum	2	Kon Plong, Tu Mơ Rông

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Số: 28/VBHN-NHNN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2014

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**

Nguyễn Đồng Tiến